

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 20-9-2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN – TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Cộng Hòa.
Bà Phan Thị Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Thương – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐST - HNGĐ ngày 08/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trung D, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: khu C, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Chỗ ở hiện nay: Tokyo Suginamiku Koenjiminami 3 – 7 – 7 Euratto Shinkoenjij 201, Nhật Bản.

Anh D, chị A có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn ly hôn đề ngày 09/8/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Trung D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị A có thời gian cùng du học tại Nhật Bản, hai người tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/01/2017 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tháng 4/2017 anh D về Việt Nam, do điều kiện hoàn cảnh gia đình nên anh D không sang Nhật Bản nữa, chị A không về Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ. Từ đó vợ chồng sống xa nhau, sự quan tâm đến nhau không thường xuyên nên tình cảm không còn dẫn đến bất đồng quan điểm. Anh D đã sang Nhật Bản để hàn gắn tình cảm và mong chị A về Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị A không về Việt Nam. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh D chị A nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án xử cho anh D được ly hôn chị A.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trung D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản vào ngày 24/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ tháng 4/2017 anh D về Việt Nam, vợ chồng ly thân, nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Ánh đồng ý ly hôn anh D, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử cho chị và anh D được ly hôn.

Về con chung: Chị A xác nhận vợ chồng chưa có con chung và hiện tại chị A không có thai.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Chị A trình bày do đang làm việc tại Nhật Bản nên việc về Việt Nam giải quyết vụ án là khó khăn nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị. Mọi giấy tờ văn bản chị A ủy quyền cho mẹ chị là bà Trần Thị N thay mặt chị giao nhận với Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 30/8/2023, bà Trần Thị N trình bày: Bà N xác nhận là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị A. Bà N xác nhận anh D chị A có thời gian tìm hiểu, cùng đi du học và có đăng ký kết hôn, hiện nay chưa có con chung. Hiện nay chị A ở Nhật Bản, còn anh D ở Việt Nam, mỗi người một nơi. Bà N có nghe chị A nói lại là do vợ chồng ở xa nên có mâu thuẫn, nay hai vợ chồng đồng ý ly hôn. Quan điểm của bà là việc ly hôn là do 2 anh chị tự quyết định. Bà N đồng ý nhận ủy quyền của chị A về việc giao và nhận các văn bản tố tụng với Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình trong việc ly hôn giữa chị A với anh D.

Quá trình giải quyết vụ án, anh D, chị A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu quan điểm:***

- *Về tố tụng:* việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp. Quá trình xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cho thấy mâu thuẫn giữa anh D và chị A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị A. Về con chung, tài sản chung và công nợ chung các bên đều xác nhận không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Trung D có hộ khẩu tại khu 9, thị trấn C, huyện L, tỉnh Hòa Bình có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình giải quyết ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị A, có hộ khẩu tại thôn S, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình hiện đang lao động tại Nhật Bản. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 464 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trung D và chị Nguyễn Thị A có thời gian tìm hiểu cùng du học tại Nhật Bản và tự nguyện kết hôn, ngày 24/01/2017 đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Từ tháng 4/2017, anh D về Việt Nam và làm ăn tại Việt Nam, chị A làm việc tại Nhật Bản. Vợ chồng sống xa nhau, không thường xuyên liên lạc, không quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm không còn và phát sinh mâu thuẫn. Anh D sang Nhật Bản để hàn gắn tình cảm và mong muốn chị A về Việt Nam để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị A không về, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, anh D và chị A đã thống nhất ly hôn để giải phóng cho nhau. Như vậy mâu thuẫn giữa anh D và chị A đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xử cho anh Nguyễn Trung D được ly hôn chị Nguyễn Thị A.

Về con chung, tài sản và công nợ chung: Anh D và chị A đều xác nhận vợ chồng chưa có con chung, không có tài sản chung và không có công nợ chung, không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: anh Nguyễn Trung D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 464 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung D, xử cho anh Nguyễn Trung D được ly hôn chị Nguyễn Thị A.

2. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trung D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001065 ngày 08/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình, anh D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Trung D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị A được quyền kháng cáo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thanh Hải